

Bản án số: **20/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 22-2-2023

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thái

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Ngọc Mai

2. Bà Nguyễn Thị Bình;

-Thư ký phiên tòa:Bà Mai Thảo Chi-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Cao Quốc Thuận– Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 2 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 484/2022/TLST-HNGĐ, ngày 01/11/2022, về: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/01/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2023/QĐST-HNGĐ ngày 8/2/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Mai L, sinh năm 1994. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn Z, xã TH, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

2. Bị đơn: Anh Trần Thanh H, sinh 1986. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Z, xã TH, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện cùng tài liệu, chứng cứ kèm theo, trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Lê Thị Mai L trình bày:*Chị L và anh Trần Thanh H kết hôn vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TH, trên tinh thần tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 01- 02 năm, thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H có ngoại tình. Năm 2018 chị L có ý định ly hôn, nhưng do anh H bệnh tim phải mổ điều trị, nên chị L không làm đơn ly hôn. Do không chấp nhận tình cảm của anh H, nên chị L yêu cầu ly hôn. Về con chung và tài sản chung chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, các con muốn sống với cha hoặc mẹ thì tùy việc lựa chọn của các con.

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án bị đơn anh Trần Thanh H không đến tham gia, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh H và cũng không tiến hành hòa giải được.

Qua xác minh cho thấy vợ chồng chị L và anh H sống không hạnh phúc, hiện tại hai vợ chồng không còn chung sống với nhau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận phát biểu ý kiến:

Về thủ tục: Thẩm phán đã thụ lý hồ sơ vụ án đúng thẩm quyền, gửi thông báo cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh và các đương sự đúng thời hạn luật định, xác định đúng quan hệ pháp luật đang tranh chấp. Đối với Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử vụ án theo đúng trình tự, thủ tục mà pháp luật tố tụng dân sự đã quy định, Thư ký phiên tòa thực hiện thủ tục tố tụng đúng quy định.

Đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt không có lý do, nên xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Hôn nhân giữa hai bên là hợp pháp. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc, nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giải quyết cho ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng Tòa án nhận định như sau:

[1] *Về việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp:*Căn cứ vào nội dung, yêu cầu tại đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định đây là vụ án: Ly hôn, theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về thẩm quyền*: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận theo quy định tại khoản 1, Điều 35 và Khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về việc vắng mặt của đương sự*: Bị đơn anh Trần Thanh H vắng mặt, nhưng đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] *Về hôn nhân*: Chị L và anh H kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện và đăng ký kết hôn vào năm 2012. Theo chị L trình bày là do anh H ngoại tình nên tình cảm vợ chồng không còn; qua kết quả xác minh thì chị L và anh H hiện không còn chung sống với nhau, mỗi người sống một nơi. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L, theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, là phù hợp Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Chị L và anh H có 02 con chung, nhưng không tranh chấp, nên Tòa án không xem xét giải quyết trong Bản án này.

[6] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] *Về án phí*: Nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[8] Về kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Tuyên bố: Chị Lê Thị Mai L ly hôn anh Trần Thanh H.

2. Về án phí: Chị Lê Thị Mai L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012552 ngày 01/11/2023. Chị L đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (22/2/2023). Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./-

Nơi nhận:

-TAND tỉnh;
-VKSND huyện;
-CCTHADS huyện;
-Đương sự;
-Lưu./

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thái